

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 668/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 13 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị năm 2025;

Căn cứ Nghị định 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Xét kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định tỉnh tại Báo cáo số: 197/BC-HĐTD ngày 12/02/2026 và theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 198/TTr-SDTTG ngày 12/02/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 826 thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, 345 thôn đặc biệt khó khăn; 39 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó: 01 xã khu vực I, 04 xã khu vực II và 34 xã khu vực III

(Có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hoàn thiện hồ sơ, biểu mẫu theo đúng quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 để trình Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố quyết định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Hướng dẫn các địa phương rà soát, chuẩn hóa các tiêu chí kỹ thuật về độ cao so với mực nước biển, độ dốc địa hình và tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động để làm căn cứ xác định theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã: Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền về tính chính xác của số liệu rà soát và hồ sơ minh chứng tại địa phương mình quản lý; Điều chỉnh lại số liệu các tiêu chí theo kết quả

thẩm định của Hội đồng thẩm định tỉnh, đồng thời cập nhật đầy đủ dữ liệu vào phần mềm quản lý và tổng hợp số liệu báo cáo theo quy định.

4. Trường hợp điều chỉnh: Khi có sự chia tách, sáp nhập thôn, xã hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền, việc rà soát, xác định và phân định được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 10, Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ. Số liệu để xác định các tiêu chí được sử dụng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm liền kề trước năm thực hiện rà soát (khoản 6 Điều 10 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (để b/c);
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, NC_{MTN}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH THÔN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN
NÚI, THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(Kèm theo Quyết định số: 668 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của
 UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
	Tổng cộng		307	826	345
1	Xã Dân Hóa		28	28	28
1		K - Ing	X	X	X
2		Khe Rông	X	X	X
3		Rông	X	X	X
4		La Trọng I	X	X	X
5		La Trọng II	X	X	X
6		Lé	X	X	X
7		Hung	X	X	X
8		Ông Tú	X	X	X
9		K - Rét	X	X	X
10		Khe Cây	X	X	X
11		Pa Choong	X	X	X
12		Ra Mai	X	X	X
13		K. Oóc	X	X	X
14		Sy	X	X	X
15		Cha Cáp	X	X	X
16		Dộ - Tà Vòng	X	X	X
17		Lòm - K.Chăm	X	X	X
18		Cha Lo	X	X	X
19		Bãi Dinh	X	X	X
20		K - Ai	X	X	X
21		Ôóc	X	X	X
22		K - Vi	X	X	X
23		Ba Lóoc	X	X	X
24		Yleng	X	X	X
25		K-Định	X	X	X
26		Tà Leng	X	X	X
27		Tà Rà	X	X	X

28		Hà Nông	X	X	X
2	Kim Điền		9	13	13
1		Bản Hóa Lương	X	X	X
2		Bản Lương Năng	X	X	X
3		Thuận Hóa	X	X	X
4		Đặng Hóa	X	X	X
5		Tăng Hóa	X	X	X
6		Đa Năng		X	X
7		Tân Tiến	X	X	X
8		Tân Bình		X	X
9		Tân Hòa		X	X
10		Tân Thuận		X	X
11		Tân Lợi	X	X	X
12		Lâm Hóa	X	X	X
13		Lâm Khai	X	X	X
3	Kim Phú		4	26	5
1		Tân Lý		X	
2		Lạc Thiện		X	
3		Thôn 1 Kim Bảng		X	
4		Thôn 2 Kim Bảng		X	
5		Thôn 3 Kim Bảng		X	
6		Cổ Liêm		X	
7		Thôn 1 Yên Thọ		X	
8		Thôn 2 Yên Thọ		X	
9		Thôn 3 Yên Thọ		X	
10		Thôn 4 Yên Thọ		X	
11		Thôn 5 Yên Thọ		X	
12		Bản Phú Minh	X	X	X
13		Phú Nhiêu		X	X
14		Tiến Hóa		X	
15		Hát		X	
16		Khai Hóa		X	
17		Quyền		X	
18		Bản Ôn	X	X	X
19		Bản Yên Hợp	X	X	X
20		Bản Mò O O O	X	X	X
21		Yên Phú		X	
22		Liêm Hoá		X	
23		Tiền Phong		X	

24		Thanh Liêm		X	
25		Bình Minh 1		X	
26		Bình Minh		X	
4	Minh Hóa		0	33	15
1		Tân Sơn		X	X
2		Tân Tiến		X	
3		Yên Nhất		X	
4		Yên Thắng		X	
5		Kiều Tiến		X	
6		Tân Lợi		X	
7		Yên Bình		X	
8		Yên Định		X	
9		Tiến Hóa		X	X
10		Về		X	X
11		Rông		X	X
12		Trầu		X	X
13		Rục		X	X
14		Văn Hóa		X	X
15		Quảng Hóa		X	X
16		Yên Hồng		X	X
17		Tổ Tự quản Cầu Rông		X	X
18		Minh Xuân		X	X
19		Tân Xuân		X	X
20		Ba Nương		X	
21		Cây Dầu		X	X
22		Cây Da		X	
23		Cầu Lợi		X	
24		Quy Hợp		X	
25		Tổ dân phố 1		X	
26		Tổ dân phố 2		X	
27		Tổ dân phố 3		X	
28		Tổ dân phố 4		X	
29		Tổ dân phố 5		X	
30		Tổ dân phố 6		X	
31		Tổ dân phố 7		X	
32		Tổ dân phố 8		X	X
33		Tổ dân phố 9		X	X
5	Tân Thành		9	12	11
1		Yên Phong	X	X	X

2		Yên Hòa	X	X	X
3		Yên Bình	X	X	X
4		Yên Vân	X	X	X
5		Ông Chính	X	X	X
6		Thanh Sơn	X	X	X
7		Tân Tiến	X	X	X
8		Thanh Long		X	X
9		Thanh Lâm		X	X
10		Thanh Tân	X	X	X
11		Kiên Trinh	X	X	X
12		Sy		X	
6	Thượng Trạch		20	20	20
1		Cờ Đỏ	X	X	X
2		Bản 51	X	X	X
3		Chăm Pu	X	X	X
4		Cu Tồn	X	X	X
5		Coóc	X	X	X
6		Nông Cũ	X	X	X
7		Côn Roàng	X	X	X
8		Khe Rung	X	X	X
9		Bản 61	X	X	X
10		Nông Mới	X	X	X
11		Ban	X	X	X
12		Troi	X	X	X
13		Tuộc	X	X	X
14		A Ky	X	X	X
15		Cà Roàng 2	X	X	X
16		Cà Roàng 1	X	X	X
17		Nụ	X	X	X
18		Bụt	X	X	X
19		Bản 39	X	X	X
20		Bản Đòng	X	X	X
7	Tuyên Phú		0	22	1
1		Hà Trang		X	
2		Hà Nam		X	
3		Đồng Tâm		X	
4		Thôn 1 Thiết Sơn		X	
5		Thôn 2 Thiết Sơn		X	
6		Thôn 3 Thiết Sơn		X	

7		Thôn 4 Thiết Sơn		X	
8		Thôn 5 Thiết Sơn		X	
9		Hòa Bình		X	
10		Thôn 1 Đạm Thủy		X	
11		Thôn 2 Đạm Thủy		X	
12		Thôn Phúc Tùng		X	
13		Thôn Cồn Cam		X	
14		Thôn Đức Phú 1		X	
15		Thôn Đức Phú 2		X	
16		Thôn Đức Phú 3		X	
17		Thôn 4 Đức Phú		X	
18		Thuận Hoan		X	
19		Đồng Giang		X	
20		Đại Sơn		X	
21		Đồng Phú		X	X
22		Đồng Lâm		X	
8	Tuyên Bình		0	20	14
1		Tân Lâm		X	X
2		Thôn 4		X	X
3		Thôn 5		X	X
4		Đồng Hòa		X	
5		Đồng Thuận		X	
6		Bắc Hóa		X	
7		Tây Hóa		X	X
8		Xuân Hóa		X	
9		Nam Sơn		X	
10		Liên Sơn		X	
11		Liên Hóa		X	X
12		Tân Hóa		X	X
13		Lạc Hóa		X	X
14		Yên Tổ		X	X
15		Mình Cầm Trang		X	X
16		Mình Cầm Ngoại		X	X
17		Mình Cầm Nội		X	X
18		Cao Trạch		X	X
19		Sào Phong		X	X
20		Mã thượng		X	X
9	Tuyên Sơn		0	8	3
1		Thôn 1		X	X

2		Thôn 2		X	X
3		Thôn 3		X	
4		Thôn 4		X	X
5		Thôn Tân Ấp		X	
6		Thôn Tân Đức		X	
7		Thôn Tân Hương		X	
8		Thôn Tân Sơn		X	
10	Tuyên Lâm		4	15	4
1		Thôn 1 Thanh Lạng		X	
2		Thôn 2 Thanh Lạng		X	
3		Thôn 3 Thanh Lạng		X	
4		Thôn 4 Thanh Lạng		X	
5		Thôn 5 Thanh Lạng		X	
6		Thôn 1 Bắc Sơn		X	
7		Thôn 2 Bắc Sơn		X	
8		Thôn 3 Bắc Sơn		X	
9		Thôn 4 Bắc Sơn		X	
10		Bản Hà		X	
11		Bản Cà Xen	X	X	X
12		Tiền Phong		X	
13		Bản Kè	X	X	X
14		Bản Chuối	X	X	X
15		Bản Cáo	X	X	X
11	Tuyên Hóa		0	31	0
1		Tây Trúc		X	
2		Thanh Trúc		X	
3		Tam Đa		X	
4		Đông Tân		X	
5		Cương Trung		X	
6		Cương Trung C		X	
7		Thanh Tiến		X	
8		Chợ cuối		X	
9		Tây Thủy		X	
10		Trung Thủy		X	
11		Bàu		X	
12		Bàu 3		X	
13		Lạc Sơn		X	
14		Thanh Châu		X	
15		Lâm Lang		X	

16		Uyên Phong		X	
17		Kính Châu		X	
18		Lê Lợi		X	
19		Bàu Sỏi		X	
20		Phúc Tự		X	
21		Trung Đình		X	
22		Xuân Sơn		X	
23		Xuân Hạ		X	
24		Cao Cảnh		X	
25		Chùa Bụt		X	
26		Phú Xuân		X	
27		Quảng Hòa		X	
28		Sơn Thủy		X	
29		Tiến Mại		X	
30		Vĩnh Xuân		X	
31		Tân Tiến		X	
12	Tân Gianh		0	17	0
1		Vịnh Thọ		X	
2		Thượng Thọ		X	
3		Cấp Sơn		X	
4		Ngọa Cương		X	
5		Tân Thị		X	
6		Trung Tiến		X	
7		Phù Ninh		X	
8		Thanh Sơn		X	
9		Thôn 1		X	
10		Thôn 2		X	
11		Thôn 3		X	
12		Thôn 4		X	
13		Thôn 5		X	
14		Xuân Trường		X	
15		Hạ Trường		X	
16		Thu Trường		X	
17		Đông Phúc		X	
13	Đồng Lê		0	34	0
1		Kim Thủy		X	
2		Kim Tân		X	
3		Kim Trung		X	
4		Kim Ninh		X	

5		Kim Lũ 2		X	
6		Kim Lũ 1		X	
7		Kim Tiến		X	
8		Kim Lịch		X	
9		Tiền Phong		X	
10		Thượng Phong		X	
11		Quảng Hóa		X	
12		Đồng Lê		X	
13		Yên Xuân		X	
14		Hạ Lào		X	
15		Đồng Lào		X	
16		Ba Tâm		X	
17		Thuận Tiến		X	
18		Xuân Canh		X	
19		Tam Đa		X	
20		Đồng Sơn		X	
21		Xuân Phú		X	
22		Tam Đăng		X	
23		Bắc Sơn		X	
24		Tân Sơn		X	
25		Kim Sơn		X	
26		Tiểu khu 1		X	
27		Tiểu khu 2		X	
28		Tiểu khu 3		X	
29		Tiểu khu 4		X	
30		Tiểu khu Tam Đồng		X	
31		Tiểu khu Đồng Văn		X	
32		Tiểu khu Lưu Thuận		X	
33		Tiểu khu Đồng Tân		X	
34		Tiểu khu Tân Lập		X	
14	Phong Nha		1	37	1
1		Bản Rào Con	X	X	X
2		TDP Xuân Sơn		X	
3		TDP Gia Tĩnh		X	
4		TDP Cù Lạc 2		X	
5		TDP Xuân Tiến		X	
6		TDP Phong Nha		X	
7		TDP Na		X	
8		TDP Trầm Mé		X	

9		Thôn 1 Phúc Đồng		X	
10		Thôn 2 Phúc Đồng		X	
11		Thôn 3 Phúc Đồng		X	
12		Thôn 4 Phúc Đồng		X	
13		Thôn 1 Phúc Khê		X	
14		Thôn 2 Phúc Khê		X	
15		Thôn 3 Phúc Khê		X	
16		Thôn 1 Thanh Sen		X	
17		Thôn 2 Thanh Sen		X	
18		Thôn 3 Thanh Sen		X	
19		Thôn 4 Thanh Sen		X	
20		Thôn Chày Lập		X	
21		Thôn 1 Lâm Trạch		X	
22		Thôn 2 Lâm Trạch		X	
23		Thôn 3 Lâm Trạch		X	
24		Thôn 4 Lâm Trạch		X	
25		Thôn 5 Lâm Trạch		X	
26		Thôn 6 Lâm Trạch		X	
27		Thôn 7 Lâm Trạch		X	
28		Thôn 1 Xuân Trạch		X	
29		Thôn 2 Xuân Trạch		X	
30		Thôn 3 Xuân Trạch		X	
31		Thôn 4 Xuân Trạch		X	
32		Thôn 5 Xuân Trạch		X	
33		Thôn 6 Xuân Trạch		X	
34		Thôn 7 Xuân Trạch		X	
35		Thôn 8 Xuân Trạch		X	
36		Thôn 9 Xuân Trạch		X	
37		Thôn 10 Xuân Trạch		X	
15	Bắc Trạch		0	25	5
1		Thanh Khê		X	
2		Quyết Thắng		X	
3		Tiền Phong		X	
4		Thanh Vinh		X	
5		Thôn 1		X	
6		Thôn 2		X	
7		Thôn 5		X	
8		Thôn 7		X	
9		Thôn 8		X	

10		Thôn 9		X	
11		Thôn 2 Mỹ Trạch		X	
12		Thôn 3 Mỹ Trạch		X	
13		Thôn 4 Mỹ Trạch		X	
14		Thôn 5 Mỹ Trạch		X	
15		Thôn 6 Mỹ Trạch		X	
16		Thôn 7 Mỹ Trạch		X	
17		Thôn 1 Hạ Trạch			
18		Thôn 2 Hạ Trạch			
19		Thôn 3 Hạ Trạch		X	
20		Thôn 4 Hạ Trạch		X	
21		Thôn 5 Hạ Trạch			
22		Thôn 8 Hạ Trạch		X	
23		Thôn 9 Hạ Trạch		X	
24		Phú Kinh		X	X
25		Tân Hội		X	X
26		Phú Hữu		X	X
27		Liên Sơn		X	X
28		Liên Thủy		X	X
16	Bồ Trạch		0	30	0
1		Nam Định		X	
2		Tân Định		X	
3		Trung Định		X	
4		Bắc Định		X	
5		Tây Định		X	
6		Sơn Định		X	
7		Bắc Nẫm		X	
8		Trung Nẫm		X	
9		Tân Nẫm		X	
10		Nam Nẫm		X	
11		Tây Nẫm		X	
12		Đông Sơn		X	
13		Trung Sơn		X	
14		Hòa Sơn		X	
15		Nguyên Sơn		X	
16		Hà Môn		X	
17		Mỹ Sơn		X	
18		Khuông Hà 1		X	
19		Khuông Hà 2		X	

20		Khương Hà 3		X	
21		Khương Hà 4		X	
22		Cổ Giang 1		X	
23		Cổ Giang 2		X	
24		Thanh Hưng 1		X	
25		Thanh Hưng 2		X	
26		Thanh Bình 1		X	
27		Thanh Bình 2		X	
28		Thanh Bình 3		X	
29		Bồng Lai 1		X	
30		Bồng Lai 2		X	
17	Hòa Trạch		0	17	0
1		Đất đỏ		X	
2		Hòa lạc		X	
3		Tiền Tiến		X	
4		Trung Minh		X	
5		Tùng Giang		X	
6		Lý Nguyên		X	
7		Sơn Tùng		X	
8		Hạ Lý		X	
9		Tân Châu		X	
10		Di Luân		X	
11		Di Lộc		X	
12		Phúc Kiều		X	
13		Sơn Tùng		X	
14		Cảnh Thượng		X	
15		Tân Cảnh		X	
16		Liên Trung		X	
17		Thượng Giang		X	
18	Đông Trạch		0	5	0
1		Thanh Lộc		X	
2		Tân Lộc		X	
3		Sơn Lý		X	
4		Đồng Sơn		X	
5		Phú Sơn		X	
19	Nam Trạch		1	13	1
1		Bản Khe Ngát	X	X	X
2		TDP Chiến Thắng		X	
3		TDP Thắng Lợi		X	

4		Tổ dân phố 3		X	
5		TDP Phú Quý		X	
6		TDP Quyết Tiến		X	
7		TDP Quyết Thắng		X	
8		TDP Xung Kích		X	
9		TDP Truyền Thống		X	
10		TDP Hữu Nghị		X	
11		TDP Dũng Cảm		X	
12		Đông Thành		X	
13		Tây Thành		X	
20	Phú Trạch		0	22	0
1		Buổi Rời		X	
2		Hợp Tung		X	
3		Thanh Xuân		X	
4		Hợp Bàn		X	
5		Hợp Hạ		X	
6		Hợp Phú		X	
7		Thôn 1		X	
8		Thôn 2		X	
9		Thôn 3		X	
10		Thôn 4		X	
11		Thôn 5		X	
12		Hùng Sơn		X	
13		Phú Lộc 1		X	
14		Phú Lộc 2		X	
15		Phú Lộc 3		X	
16		Phú Lộc 4		X	
17		Nam Lãnh		X	
18		Đông Hưng		X	
19		Thọ Sơn		X	
20		Minh Sơn		X	
21		Vịnh Sơn		X	
22		Thôn 19/5		X	
21	Trung Thuần		0	15	0
1		Thôn 1		X	
2		Thôn 2		X	
3		Thôn 3		X	
4		Thôn 4		X	
4		Thôn 5		X	

6		Thôn 7		X	
7		Thôn 8		X	
8		Thôn 9		X	
9		Vân Tiên		X	
10		Tam Đa		X	
11		Phù Lưu		X	
12		Văn Hà		X	
13		Hải Lưu		X	
14		Hà Tiến		X	
15		Đông Tiến		X	
22	Trường Sơn		19	28	19
1		Rào Đá		X	
2		Kim Sen		X	
3		Quyết Thắng		X	
4		Trường Nam		X	
5		Bản Khe Dây	X	X	X
6		Bản Khe Ngang	X	X	X
7		Bản HC-NL	X	X	X
8		Bản Lâm Ninh	X	X	X
9		Thôn Rào Trù		X	
10		Long Sơn		X	
11		Liên Xuân		X	
12		Tân Sơn		X	
13		Hồng Sơn		X	
14		Trung Sơn	X	X	X
15		Cây Sú	X	X	X
16		Sắt	X	X	X
17		Khe Cát	X	X	X
18		Cổ Tràng	X	X	X
19		Thượng Sơn	X	X	X
20		Chân Trộng	X	X	X
21		Đá Chát	X	X	X
22		Bến Đường	X	X	X
23		Cây Cà	X	X	X
24		Dốc Mây	X	X	X
25		Ploang	X	X	X
26		Rìn Rìn	X	X	X
27		Hôi Ráy	X	X	X
28		Nước Đắng	X	X	X

23	Kim Ngân		21	24	21
1		Khe Khế	X	X	X
2		Bản Bang	X	X	X
3		Cồn Cù	X	X	X
4		Cây Bông	X	X	X
5		Thôn An Mã		X	
6		Cổ Kiềng		X	
7		Bản Chuôn	X	X	X
8		Hà Lạc	X	X	X
9		An Bai	X	X	X
10		Trung Đoàn	X	X	X
11		Ho Rum	X	X	X
12		Mít Cát	X	X	X
13		Cửa Mọc	X	X	X
14		Cầm Ly		X	
15		Còi Đá	X	X	X
16		Khe Sung	X	X	X
17		Km 14	X	X	X
18		Khe Giữa	X	X	X
19		Bản Mới	X	X	X
20		Tăng Ký	X	X	X
21		Xà Khía	X	X	X
22		Tân Ly	X	X	X
23		Chút Mút	X	X	X
24		Bạch Đàn	X	X	X
24	Tân Mỹ		0	18	0
1		Bắc Thái		X	
2		Trung Thái		X	
3		Mình Tiến		X	
4		Thanh Sơn		X	
5		Nam Thái		X	
6		Tây Thiện		X	
7		Nam Thiện		X	
8		Đông Thiện		X	
9		Tân Đa		X	
10		Tân Lộc		X	
11		Tân Lực		X	
12		Thống Nhất		X	
13		Mỹ Hà		X	

14		Mỹ Trạch		X	
15		Tân Truyền		X	
16		Tân Bằng		X	
17		Tân Ly		X	
18		Trung Thiện		X	
25	Trường Phú		0	13	0
1		Giang Sơn		X	
2		Trường Giang		X	
3		Long Đại		X	
4		Hương Thi		X	
5		Văn Minh		X	
6		Trạng Cau		X	
7		Văn Thủy		X	
8		Đông Xuân		X	
9		Việt Xô		X	
10		Tam Hương		X	
11		Phú Xuân		X	
12		Phú Hòa		X	
13		Xuân Lai		X	
26	Nam Ba Đồn		0	1	0
1		Tân Sơn		X	
27	Hướng Lập		9	9	9
1		A Xóc - Cha Lý	X	X	X
2		Cựp - Cuối	X	X	X
3		Sê Pu - Tà Păng	X	X	X
4		Tri	X	X	X
5		Cù Bai	X	X	X
6		Xà Đưng	X	X	X
7		Ka Tiêng	X	X	X
8		Tà Rùng	X	X	X
9		Trăng - Tà Pùong	X	X	X
28	Hướng Phùng		19	24	15
1		Miệt Cũ	X	X	X
2		Xa Bai	X	X	X
3		Hoong Mới	X	X	X
4		Miệt - Pa Công	X	X	X
5		Cooc	X	X	X
6		Cát	X	X	X
7		Trĩa	X	X	X

8		Mới	X	X	X
9		Hồ	X	X	X
10		Ra Ly - Rào	X	X	X
11		Nguồn Rào - Pin	X	X	X
12		Hướng Choa	X	X	X
13		Phùng Lâm		X	
14		Cộp	X	X	X
15		Cổ Nhôi		X	
16		Xa Ry	X	X	
17		Hướng Phú		X	
18		Chênh Vênh	X	X	
19		Doa Cù	X	X	X
20		Bụt Việt	X	X	X
21		Đại Độ		X	
22		Cheng	X	X	
23		Hướng Hải		X	
24		Mã Lai Pun	X	X	
29	Lìa		23	24	24
1		Thuận 5	X	X	X
2		Thuận 1	X	X	X
3		Thuận 2	X	X	X
4		Thuận 3	X	X	X
5		Thuận 4	X	X	X
6		Thuận Hòa		X	X
7		Bản 7	X	X	X
8		Úp Ly 2	X	X	X
9		Bản 10	X	X	X
10		A Ho	X	X	X
11		Thanh Ô	X	X	X
12		Ba Viêng	X	X	X
13		Thanh 1	X	X	X
14		Thôn Mới	X	X	X
15		A Rông	X	X	X
16		A Máy	X	X	X
17		A MôR	X	X	X
18		Kỳ Tăng	X	X	X
19		A Quan	X	X	X
20		A Xôi Hang	X	X	X
21		Tăng Cô Hang	X	X	X

22		Kỳ Nơ	X	X	X
23		A Xau	X	X	X
24		A Xóc Lĩa	X	X	X
30	A Dơi		16	16	16
1		Ba Lòng	X	X	X
2		Ba Tầng	X	X	X
3		Loa	X	X	X
4		Trùm	X	X	X
5		Hùn	X	X	X
6		Vàng	X	X	X
7		Mãng Sông	X	X	X
8		Đồng Tâm	X	X	X
9		Proi Xy	X	X	X
10		A Dơi Đớ	X	X	X
11		A Dơi Cô	X	X	X
12		Prin Thành	X	X	X
13		Xa Doan	X	X	X
14		Ra Mạn	X	X	X
15		Ra Po	X	X	X
16		Troan La Reo	X	X	X
31	Lao Bảo		6	27	6
1		Ka Túp	X	X	X
2		Ka Tầng	X	X	X
3		Khe Đá	X	X	X
4		Làng Vây	X	X	X
5		Xí Núc	X	X	X
6		Hà Lệt	X	X	X
7		Duy Tân		X	
8		Cao Việt		X	
9		An Hà		X	
10		Tân Kim		X	
11		Xuân Phước		X	
12		Vĩnh Đông		X	
13		Trung Chín		X	
14		Tây Chín		X	
15		Bích La Đông		X	
16		Nam Xuân Đức		X	
17		An Tiêm		X	
18		Nại Cửu		X	

19		Bích La Trung		X	
20		Cổ Thành		X	
21		Yên Thuận		X	
22		Long Quy		X	
23		Long Giang		X	
24		Long Phụng		X	
25		Long An		X	
26		Long Thành		X	
27		Long Hợp		X	
32	Khe Sanh		16	28	15
1		Thôn 1		X	
2		Thôn 2		X	
3		Thôn 3A		X	
4		Thôn 3B		X	
5		Thôn 4		X	
6		Thôn 5	X	X	
7		Thôn 6	X	X	X
8		Thôn 7		X	
9		Ta núc	X	X	X
10		Cu Dong	X	X	X
11		Ta Cu	X	X	X
12		Ván Ri	X	X	X
13		Ta rừng	X	X	X
14		Ta Ry 2	X	X	X
15		Húc Thượng	X	X	X
16		Ho Le	X	X	X
17		Tân Xuyên		X	
18		Lương Lễ		X	
19		Quyết Tâm		X	
20		Hoà Thành		X	
21		Tà Đủ	X	X	X
22		Tân Linh		X	
23		Cửa	X	X	X
24		Trầm	X	X	X
25		Tân Vinh		X	
26		Xa Re	X	X	X
27		Ruộng	X	X	X
28		Xa Rường	X	X	X
33	Tân Lập		10	21	10

1		Cu Ta Ka	X	X	X
2		Trầm Cheng	X	X	X
3		Của	X	X	X
4		Ra Ty	X	X	X
5		Cu Ty	X	X	X
6		Ta Xía	X	X	X
7		Bản Bù	X	X	X
8		Bản Cồn	X	X	X
9		Bản Làng Vây	X	X	X
10		Cheng	X	X	X
11		Tân Hào		X	
12		Tân Hòa		X	
13		Tân Tiến		X	
14		Tân Hữu		X	
15		Hiệp Hòa		X	
16		Tân Phú		X	
17		Liên Hòa		X	
18		Tân Sơn		X	
19		Tân Tài		X	
20		Tân Trung		X	
21		Tân Thuận		X	
34	La Lay		16	16	16
1		Kỳ Neh	X	X	X
2		A Ngo	X	X	X
3		A Rông Dưới	X	X	X
4		A Deng	X	X	X
5		La Lay	X	X	X
6		Pire 1	X	X	X
7		La Hót	X	X	X
8		A La	X	X	X
9		A Bung	X	X	X
10		Pire 2	X	X	X
11		Cu Tài 2	X	X	X
12		Cu Tài 1	X	X	X
13		Ty Nê	X	X	X
14		A Luông	X	X	X
15		Cụp	X	X	X
16		A Rông Trên	X	X	X
35	Tà Rút		17	17	17

1		Húc Nghi	X	X	X
2		La Tó	X	X	X
3		Thôn 37	X	X	X
4		Cựp	X	X	X
5		Tà Rút 1	X	X	X
6		Tà Rút 2	X	X	X
7		Tà Rút 3	X	X	X
8		A Đăng	X	X	X
9		Vực Leng	X	X	X
10		A Pul	X	X	X
11		A Liêng	X	X	X
12		Ra Ró	X	X	X
13		Tân Đì 3	X	X	X
14		Tân Đì 1	X	X	X
15		Tân Đì 2	X	X	X
16		A Vao	X	X	X
17		Pa Ling	X	X	X
36	Đakrông		21	21	21
1		Ba Nang	X	X	X
2		Đá Bàn	X	X	X
3		Ra Lây	X	X	X
4		Ra Poong	X	X	X
5		Sa Trâm	X	X	X
6		Chai	X	X	X
7		Ly Tôn	X	X	X
8		Ngược	X	X	X
9		Pa Hy	X	X	X
10		Pa Ngày	X	X	X
11		Tà Lao	X	X	X
12		Trại Cá	X	X	X
13		Xi Pa	X	X	X
14		Chân Rò	X	X	X
15		Khe Ngài	X	X	X
16		K Lu	X	X	X
17		Làng Cát	X	X	X
18		Pa Tầng	X	X	X
19		Tà Lêng	X	X	X
20		Vùng Kho	X	X	X
21		Xa Lãng	X	X	X

37	Ba Lòng		3	8	3
1		Mai Sơn	X	X	X
2		Tà Lang	X	X	X
3		Thôn 5	X	X	X
4		Hà Lương		X	
5		Đá Nổi		X	
6		Tân Xá		X	
7		Xuân Lâm		X	
8		Na Nấm		X	
38	Hướng Hiệp		13	16	12
1		Phú Thiềng	X	X	
2		Đồng Đòng	X	X	X
3		Khe Luồi	X	X	X
4		Phú An	X	X	X
5		Xa Rúc	X	X	X
6		Xa Vi	X	X	X
7		Ruộng	X	X	X
8		Ra Lu	X	X	X
9		Khe Hà	X	X	X
10		Gia Giã	X	X	X
11		Khóm Làng Cát	X	X	X
12		Khóm Khe Xong	X	X	X
13		Khóm A Rông	X	X	X
14		Khóm 1		X	
15		Khóm 2		X	
16		Phú Thành		X	
39	Xã Cam Lộ		0	28	0
1		Thượng Lâm		X	
2		Tân Phú		X	
3		Cam Phú 3		X	
4		Cam Phú		X	
5		Tân Xuân 1		X	
6		Tân Xuân 2		X	
7		Phan Xá Phường		X	
8		Đoàn Kết		X	
9		Độc Kinh		X	
10		Mai Lộc 2		X	
11		Mai Trung		X	
12		Minh Chính		X	

13		Mai Lộc 1		X	
14		Sơn Thanh		X	
15		An Trung		X	
16		Mai Đàn		X	
17		Hoàn Cát		X	
18		Quật Xá Thượng		X	
19		Thượng Nghĩa		X	
20		Cu Hoan		X	
21		Nghĩa Phong		X	
22		Định Sơn		X	
23		Phượng An 2		X	
24		Phượng An 1		X	
25		Bảng Sơn 3		X	
26		Bảng Đông		X	
27		Bảng Sơn		X	
28		Cam Lộ Phường		X	
40	Hiếu Giang		1	10	0
1		Tân Lập		X	
2		An Mỹ		X	
3		An Thái		X	
4		Ba Thung		X	
5		Bình Mỹ		X	
6		Tân Hiệp		X	
7		Đầu Bình		X	
8		Tân Hòa		X	
9		Tân Quang		X	
10		Bản Chùa	X	X	
41	Cồn Tiên		9	14	8
1		Bến Hà	X	X	X
2		Khe Me	X	X	X
3		Sông Ngân	X	X	X
4		Đồng Dôn	X	X	X
5		Cu Đình	X	X	X
6		Ba De	X	X	X
7		Bến Tắt	X	X	
8		Trường Hải	X	X	X
9		Trường Thành	X	X	X
10		Trường Thọ		X	
11		Hải Hoà		X	

12		Hải An		X	
13		Trường Trí		X	
14		An Phú		X	
42	Bến Quan		12	20	12
1		Cây Tắm	X	X	X
2		Thúc	X	X	X
3		Xóm Mới	X	X	X
4		Lền	X	X	X
5		Xà Lơi	X	X	X
6		Xà Ninh	X	X	X
7		Mích	X	X	X
8		Khe Cát	X	X	X
9		Mới	X	X	X
10		Xung Phong	X	X	X
11		Rào Trường		X	
12		Khe Hó Trù	X	X	X
13		Bãi Hà Mới	X	X	X
14		Trường Tiên		X	
15		Công Ba		X	
16		Thôn 1		X	
17		Thôn 2		X	
18		Thôn 3		X	
19		Thôn 4		X	
20		Thôn 5		X	

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH XÃ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN
NÚI, XÃ KHU VỰC I, II, III

(Kèm theo Quyết định số: **668/QĐ-UBND** ngày **13** tháng 02 năm 2026 của
 UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên xã	Xã		Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn DTTS&MN	
		DTTS	MN		Tổng số thôn	Số thôn ĐBKK
I	Tổng cộng:	19	38	39	826	345
	Thôn vùng DTTS&MN nằm ngoài xã khu vực I, II, III				16	
	Xã khu vực I			1	28	0
	Xã khu vực II			4	63	0
	Xã khu vực III			34	719	345
II	Chi tiết					
1	Xã Dân Hóa	X	X	III	28	28
2	Kim Điền	X	X	III	13	13
3	Kim Phú		X	III	26	5
4	Mính Hóa		X	III	33	15
5	Tân Thành	X	X	III	12	11
6	Thượng Trạch	X	X	III	20	20
7	Tuyên Phú		X	III	22	1
8	Tuyên Bình		X	III	20	14
9	Tuyên Sơn		X	III	8	3
10	Tuyên Lâm		X	III	15	4
11	Tuyên Hóa		X	III	31	0
12	Tân Gianh		X	III	17	0
13	Đồng Lê		X	III	34	0
14	Phong Nha		X	III	37	1
15	Bắc Trạch		X	III	25	5
16	Bố Trạch		X	III	30	0
17	Hòa Trạch		X	II	17	0
18	Nam Trạch		X	III	13	1
19	Phú Trạch		X	III	22	
20	Trung Thuần		X	II	15	0
21	Trường Sơn	X	X	III	28	19
22	Kim Ngân	X	X	III	24	21
23	Tân Mỹ		X	II	18	0
24	Trường Phú		X	II	13	0

25	Hướng Lập	X	X	III	9	9
26	Hướng Phùng	X	X	III	24	15
27	Lĩa	X	X	III	24	24
28	A Dơi	X	X	III	16	16
29	Lao Bảo		X	III	27	6
30	Khe Sanh	X	X	III	28	15
31	Tân Lập	X	X	III	21	10
32	La Lay	X	X	III	16	16
33	Tà Rụt	X	X	III	17	17
34	Đakrông	X	X	III	21	21
35	Ba Lòng	X	X	III	8	3
36	Hướng Hiệp	X	X	III	16	12
37	Xã Cam Lộ		X	I	28	0
38	Cồn Tiên	X		III	14	8
39	Bến Quan	X	X	III	20	12